

# PARTICIPATORY GUARANTEE SYSTEM (PGS)

## Management and certification

**01**

Overview/Tổng quan

In global and Vietnam

**02**

Certification /Chứng nhận

What? Types? Process

**03**

PGS

Concept, Organization

**04**

Operation / Vận hành



# LỊCH SỬ - HISTORY

- Nhiều nông dân hữu cơ quy mô nhỏ trên thế giới không có khả năng chi trả phí chứng nhận của bên thứ 3
- Many small-scale organic farmers in the world cannot afford the 3rd party certification fees
- Họ liên kết thành các mạng lưới có sự tham gia để bảo đảm chất lượng đưa ra thị trường địa phương
- They link into participatory networks to ensure their products quality to local market
- Thuật ngữ Hệ thống đảm bảo có sự tham gia (PGS) được đặt ra sau Hội thảo “Chứng nhận Thay thế” IFOAM-MAELA (Brazil-2004) với 20 nước tham gia
- The term Participatory Assurance System (PGS) was agreed upon after the IFOAM-MAELA “Alternative Certification” Workshop (Brazil-2004) with 20 participating countries
- Các PGS như Nature et Progrès ở Pháp (1970), một số từ 1990, hầu hết được thành lập trong 7-8 năm gần đó.
- PGSs such as Nature et Progrès in France (1970), some from 1990, most of which were established in the recent 7-8 years.

# IFOAM THỨC ĐẨY PGS / IFOAM PROMOTE PGS

- Các quốc gia trên thế giới cũng đã ủng hộ nhiệt tình vì họ cho rằng hệ thống này có thể tạo ra cơ chế đảm bảo tin cậy, phù hợp và chi phí hiệu quả
- Countries around the world have enthusiastically supported because they believe PGS system can create a reliable assurance, appropriate with low cost
- PGS được coi là một lựa chọn đảm bảo hữu cơ khả thi cho thị trường hữu cơ địa phương bên cạnh hệ thống đảm bảo của bên thứ ba
- PGS is considered as a viable guaranteed option for the local organic market, beside third-party guarantee system
- IFOAM thành lập nhóm chuyên trách (Task Force), phát triển tài liệu hướng dẫn để thúc đẩy phát triển PGS trên toàn thế giới
- IFOAM create a Task Force, develop guideline to promote PGS over the world

# Thống kê toàn cầu / Global PGS Statistics (2020)



77



235

61 Developing/Đang PT  
174 Operational/

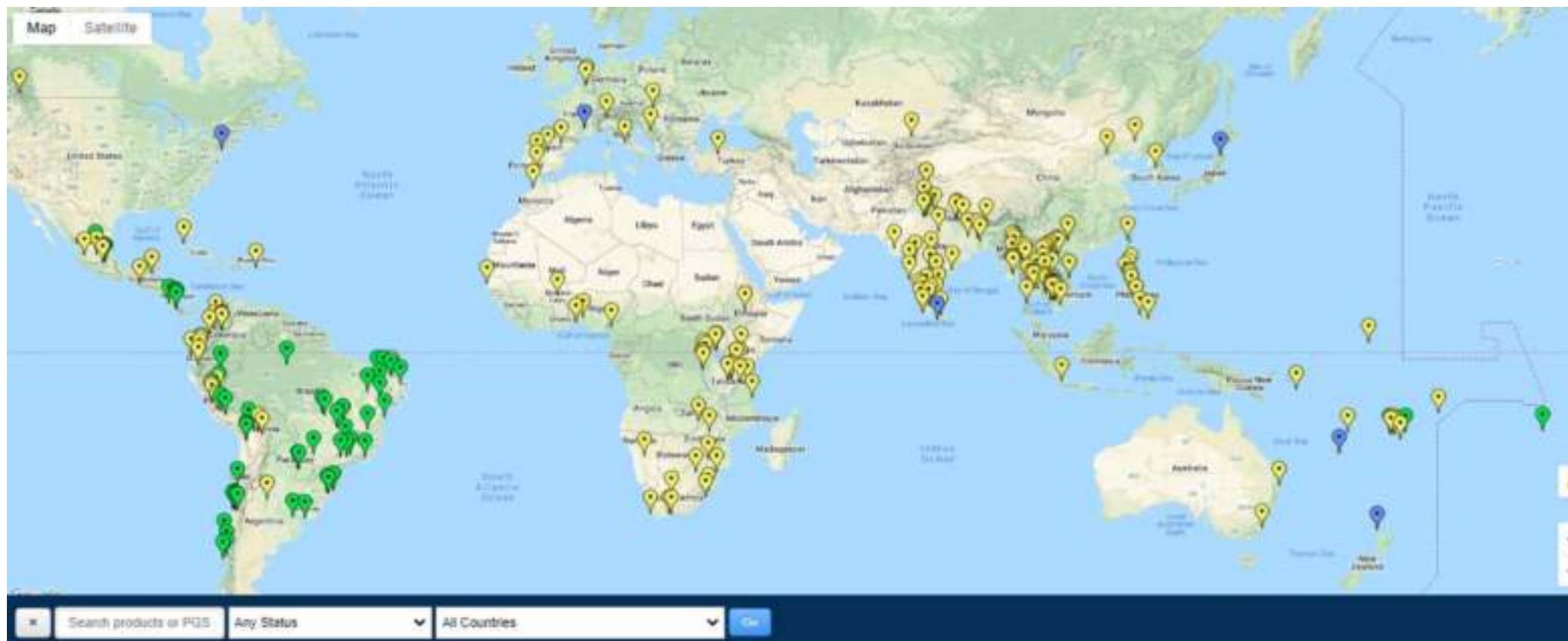


1.153.220

1.110.964/755.547 ha  
Certified/ được cấp CN

- 2020: Philippine, Peru và Madagasca được nhà nước công nhận nâng tổng số PGS được công nhận ở 15 quốc gia
- 2020: Philippine, Peru và Madagasca are recognized by state make the total of 15 PGSs recognized nationally

# Bản đồ PGS thế giới



Được công nhận bởi IFOAM - **Recognized by Organics International**

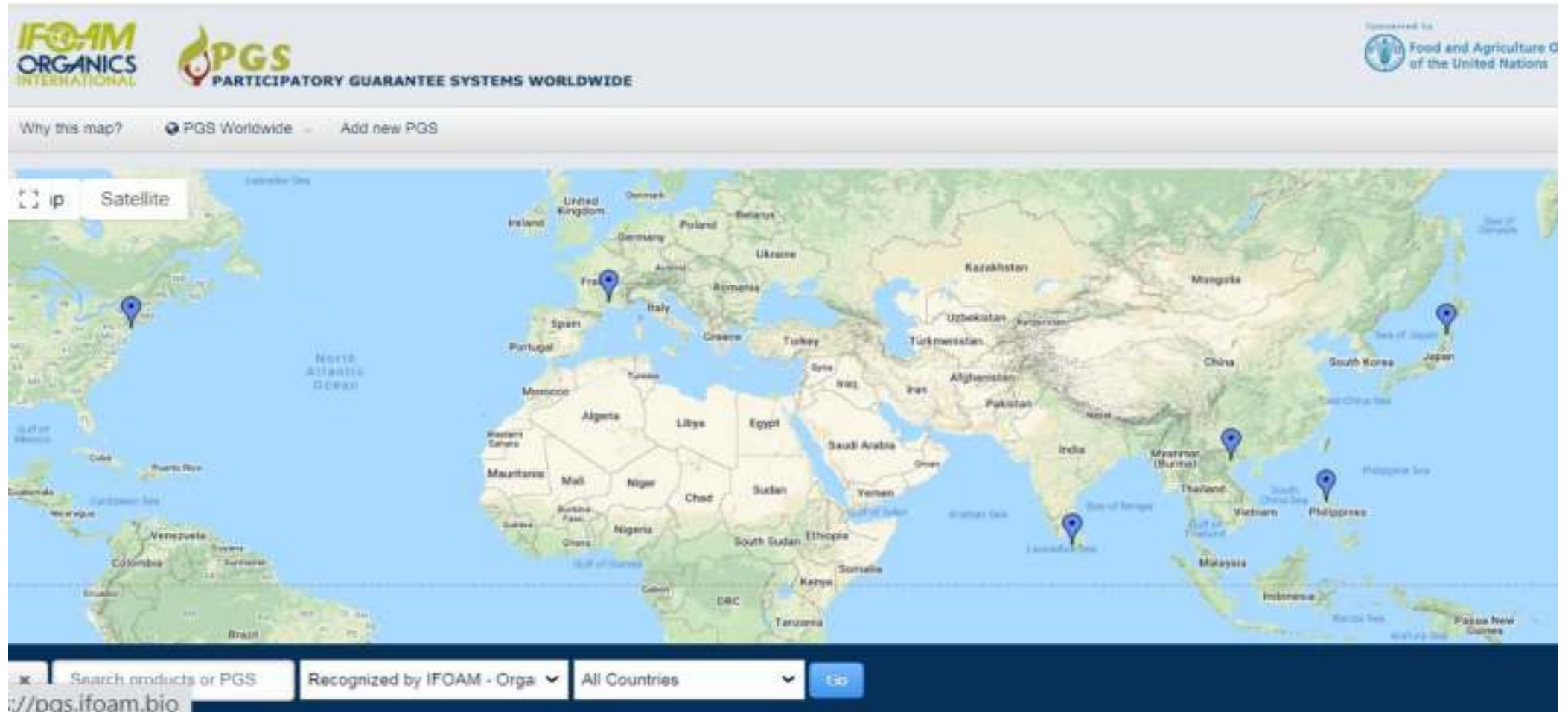


Được chính quyền địa phương công nhận – **Recognizes by local authorities**



PGS đang hoạt động hoặc đang hình thành – **under development**

# PGS được IFOAM công nhận/PGSs recognized by IFOAM



# PGS Việt Nam

- 2008: Được thiết lập trong dự án ADDA-VNFU. Hiện có 230 thành viên nông dân, 7 thành viên doanh nghiệp/HTX
- Set up under ADDA-VNFU project. Currently, there are 230 members of farmers, 7 enterprises/cooperatives as members
- 2009: Đăng ký thành viên IFOAM/ Registered as IFOAM member
- 2011: Hoàn thành bộ tiêu chuẩn PGS trình IFOAM/ Develop organic PGS standards
- 2013: Được IFOAM công nhận là thành viên trong gia đình tiêu chuẩn IFOAM (IFOAM family standards)/ Recognized as a member of IFOAM family standards





# Nhân rộng - PGS replication



**17 Systems**

**13 Provinces**

**> 2000 farmers**



# Certification understanding

# Một số khái niệm



➤ **Chứng nhận:** là một **Hệ thống** qua đó xác nhận sự tuân thủ tiêu chuẩn và khẳng định các sản phẩm đạt chuẩn

*Certification: a **system** through which the conformity of products to applicable standards is determined and confirmed.*

➤ **Đảm bảo hữu cơ:** Là thuật ngữ chung để xác định **nỗ lực** của cả một hệ thống, để đảm bảo với người mua rằng sản phẩm đó tuân thủ các tiêu chuẩn hữu cơ. (Nói cách khác đó là sự bảo hành.)

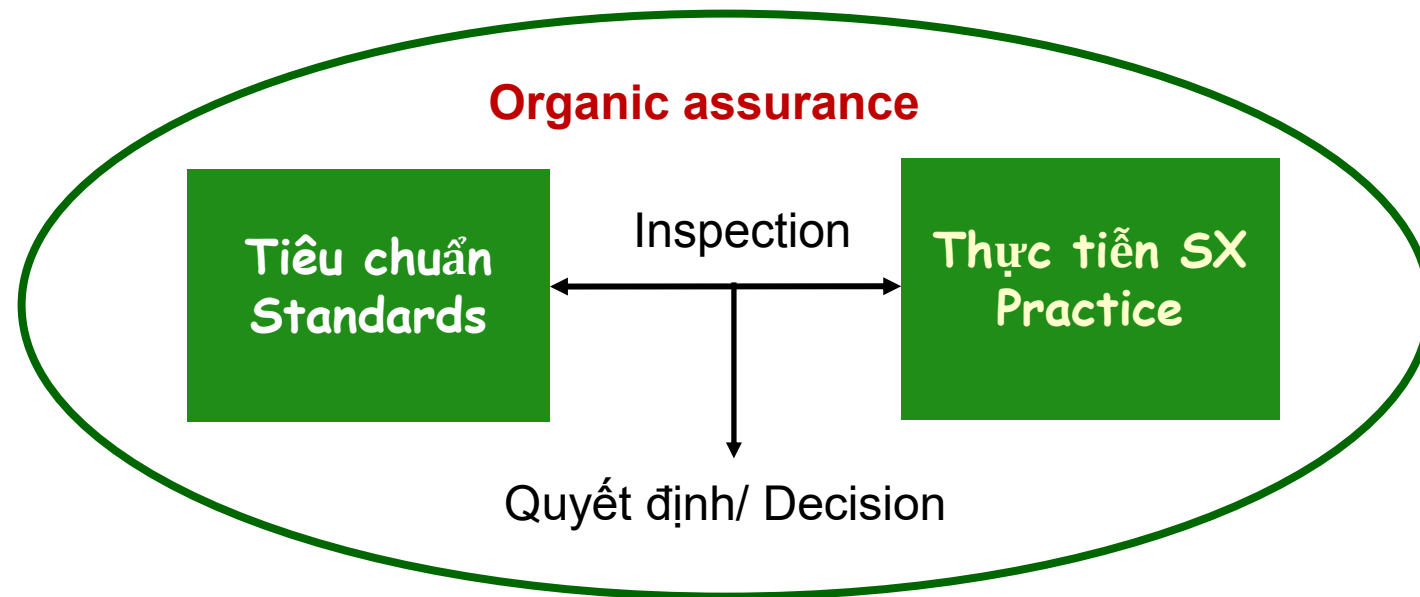
*Organic assurance: a generic term to identify the effort of whole system to assure buyers that the products comply with organic standard. (Another word is guarantee.)*

➤ **Thanh tra:** Là hoạt động **Đánh giá** sự tuân thủ bằng cách quan sát, suy xét, cùng với các phương pháp đo đếm, xét nghiệm thích hợp

➤ *conformity evaluation by observation and judgment, accompanied as appropriate by measurement, testing and gauging*

# Cung cấp chứng nhận / Provide Certification

- Một hệ thống (Tổ chức, thủ tục, mẫu biểu, nhân sự) / A system (organization, procedures, forms, ...)
- Tiêu chuẩn (để đánh giá sự tuân thủ) / Standards
- Phương pháp đánh giá (= thanh tra) / Evaluation methods (= inspection)





HỮU CƠ  
ORGANIC  
CERTIFICATE

## Các loại chứng nhận/ Types of Certification

Chứng nhận độc lập (bên thứ ba)	Chứng nhận có sự tham gia (PGS)
Dựa vào sự bảo đảm của một “bên thứ ba” (không liên quan đến sản xuất, phân phối và tiêu thụ hoặc sử dụng sản phẩm)/ <b>based on a third-party’s assurance not related to the production, distribution, consumption</b>	Dựa vào sự bảo đảm của một mạng lưới gồm các cá nhân, tổ chức liên quan tới sản xuất, phân phối hoặc sử dụng sản phẩm/ <b>Rely on the guarantee of a network of individuals and organizations who involved in the production, distribution, and consumption</b>
Sản xuất phải tuân theo tiêu chuẩn và các yêu cầu cụ thể/ <b>Production must comply with standards and requirements</b>	Sản xuất phải tuân theo tiêu chuẩn và các yêu cầu cụ thể/ <b>Production must comply with standards and requirements</b>
Đánh giá sự tuân thủ bởi một cơ quan chứng nhận độc lập/ <b>Compliance assessment by an independent certification body</b>	Trao quyền, chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng và minh bạch / <b>Empowerment, taking responsibility for quality assurance and transparency</b>
Chi phí cao, phù hợp với sản xuất hàng hóa quy mô lớn và xuất khẩu/ <b>High cost, suitable for large-scale commodity production and export</b>	Chi phí thấp, phù hợp cho nông dân sản xuất nhỏ tập trung cho thị trường nội địa/ <b>Low cost, suitable for small scale farmers and focus on the local, domestic markets</b>



## PGS là gì/ What ?

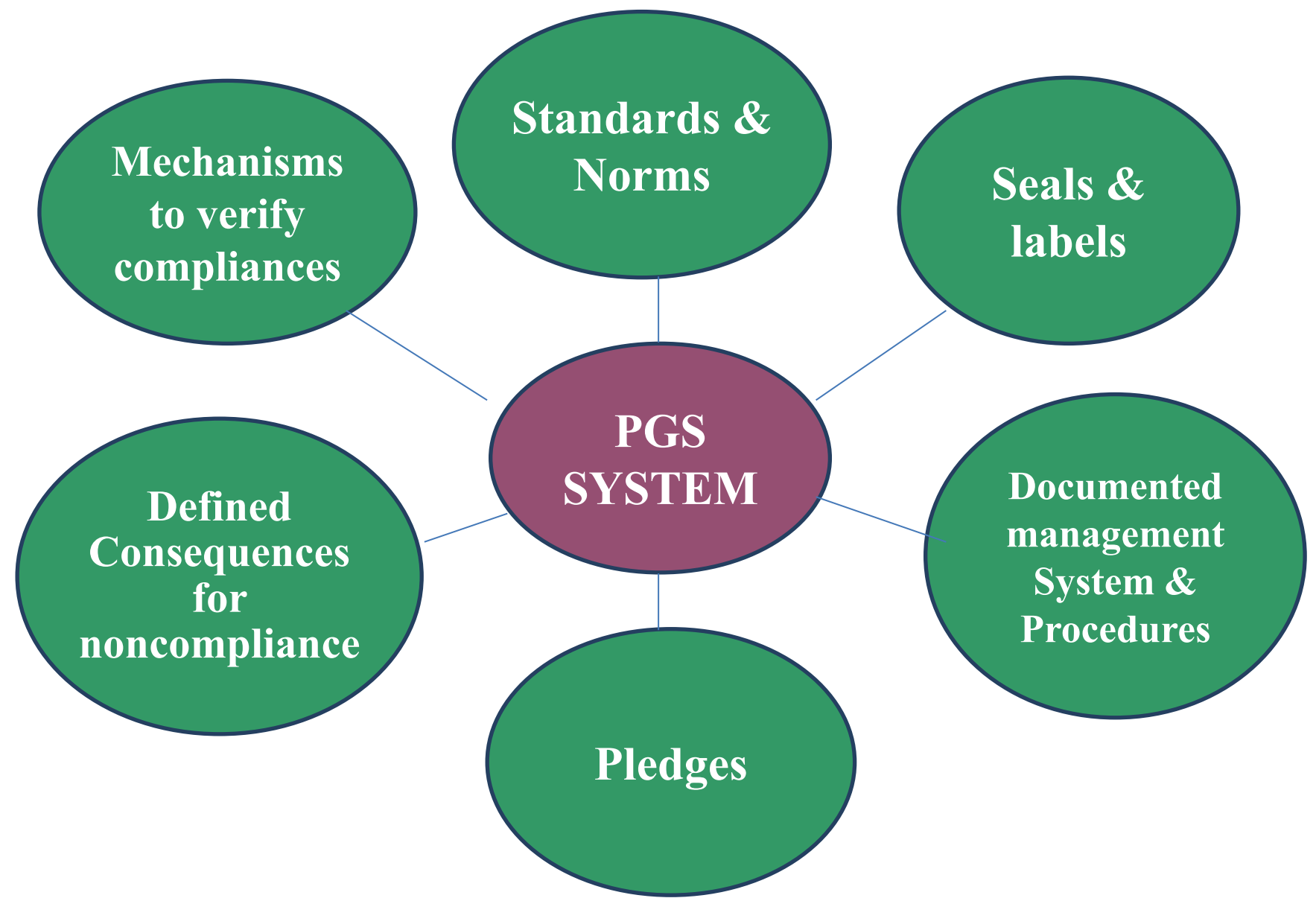


3/14/2022

- **Participatory Guarantee System (PGS)** - Là một hệ thống xác nhận chất lượng có sự tham gia trực tiếp của các bên liên quan vào các hoạt động giám sát, đánh giá và đảm bảo chất lượng sản phẩm (IFOAM, 2008)/ **A quality validation systems with direct participation of stakeholders in monitoring, evaluation and assurance activities (IFOAM, 2008)..**
- PGS đảm bảo chất lượng sản phẩm tập trung vào thị trường địa phương./ **PGS guarantee organic quality focus on local markets**
- PGS được xây dựng trên nền tảng của sự tin tưởng, trao đổi kiến thức và mạng lưới xã hội/ **PGS built on a foundation of trust, social networks and knowledge exchange.**

**ĐẶC TRƯNG  
CỦA PGS**

**FEATURE OF  
PGS**





## PGS PHILOSOPHY

### TRIẾT LÝ CỦA PGS Những giá trị cơ bản

- ❖ PGS có cùng một mục tiêu chung là thay thế hệ thống chứng nhận của bên thứ ba cung cấp một bảo đảm đáng tin cậy cho người tiêu dùng muốn tìm kiếm sản phẩm hữu cơ/ PGS share a common goal with third party certification in providing a credible guarantee for consumers seeking quality produce.
- ❖ Sự khác biệt là cách tiếp cận có sự tham gia trực tiếp của nông dân và thậm chí cả người tiêu dùng trong quá trình chứng nhận/ Difference in approach: direct participation of farmers and consumers in certification process
- ❖ Sự tham gia tích cực từ phía các bên liên quan dẫn đến việc trao quyền nhiều hơn nhưng trách nhiệm cũng lớn hơn/ Active participation of the stakeholders results in greater empowerment but also greater responsibility
- ❖ Việc trao quyền đòi hỏi các PGS phải đặt ưu tiên cao về kiến thức và nâng cao năng lực không chỉ cho nông dân mà cả người tiêu dùng/ high priority on knowledge and capacity building of producers and consumers.

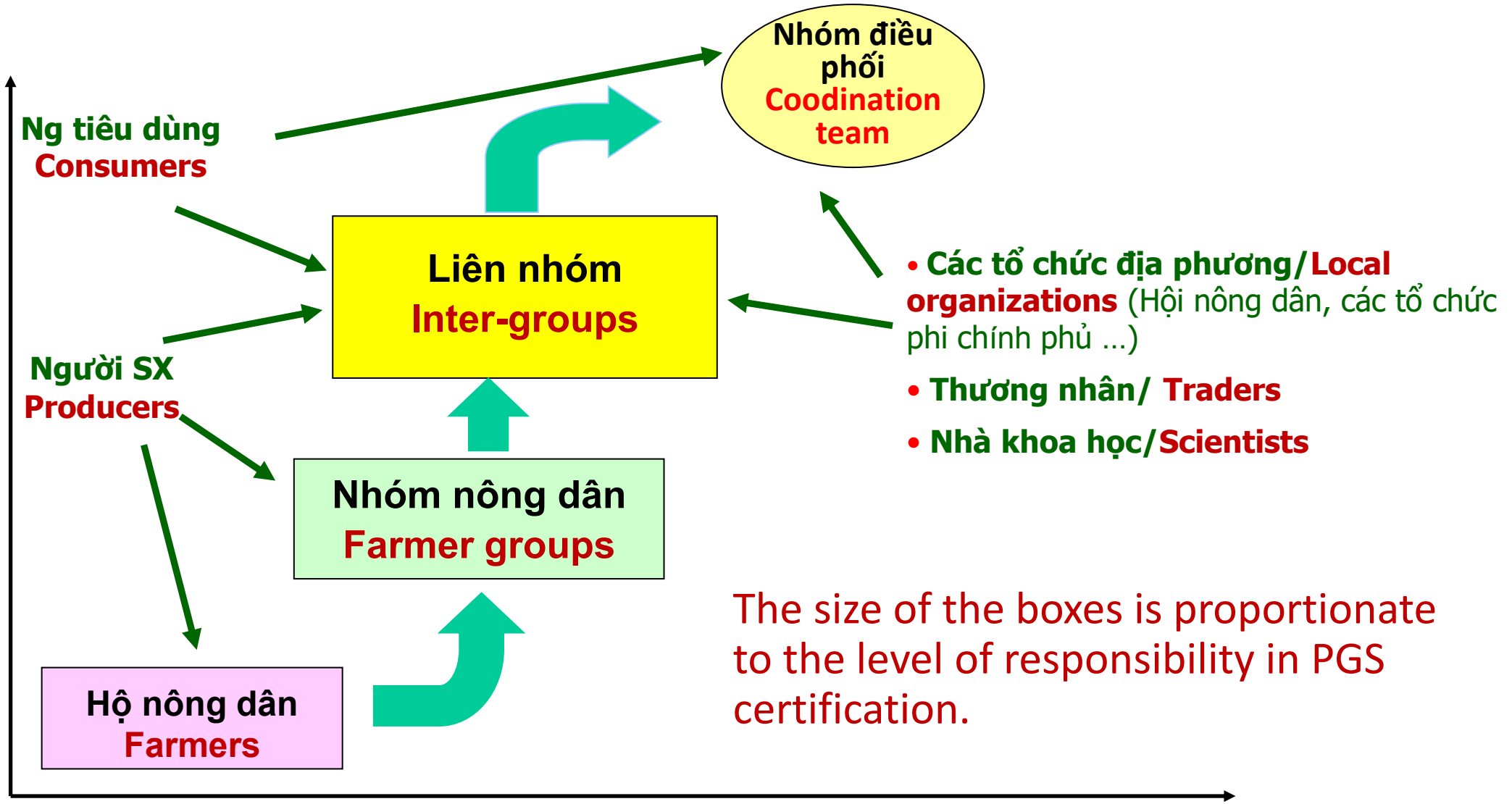


# Tổ chức Organization

# THAM GIA / PARTICIPATION



# Các bộ phận cấu thành PGS/ Components of PGS



# CHỨC NĂNG CỦA PGS / FUNCTIONS



## BỘ PHẬN/ Units

- Nông dân/ Farmer
- Nhóm ND /Farmer group
- Liên nhóm/ Inter-group
- Nhóm điều phối /Coordination team

## CHỨC NĂNG/ Function

- Sản xuất / Production
- Tổ chức sản xuất và giám sát nhau/ Organize production and monitoring
- Hỗ trợ sản xuất và đảm bảo chất lượng /Support production and assure quality
- Quản trị toàn bộ hệ thống, đảm bảo minh bạch/ Governant entire system, ensuring transparency



# SET UP & OPERATION

- Decisions on standards and procedures (Approval of certification decisions)
- Approval of the groups
- Maintenance of central documentation

# CÁC BƯỚC THÀNH LẬP

## STEPS OF ESTABLISHMENT

Xây dựng website/**Develop website**

Phát triển logo, nhãn nhận diện và các quy định sử dụng/**Develop brand identity**

Đào tạo nông dân và các bên liên quan;**Training**

Xây dựng các nội quy, quy định/**Building PGS rules**

Xác định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của PGS/**Organization**

La chọn đối tượng sản xuất và thị trường;/ **Select production object**

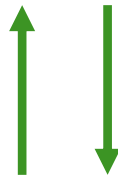
Họp bàn với nông dân và đối tác địa phương / **Meetings**

Lựa chọn địa bàn và đối tác địa phương quan tâm; **Select location & partner**

# CERTIFICATION PROCEDURE

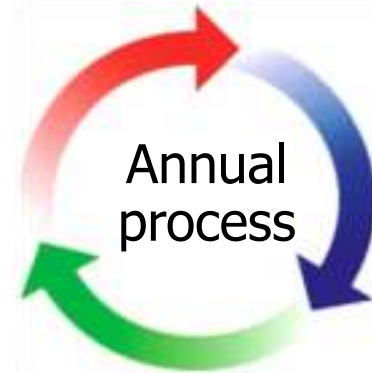
## Farmer groups

- Submit application to Inter-group
- Send 3 members to inspection training
- Carry out cross inspection
- Submit inspection reports to intergroups



## Farmer

- Register group, attend training organic standards and technique
- Complete "Farmer Pledge"
- Complete "Farm Management Plan"
- Actively attend group activities



## Inter-group

- Check pledges and FMPs
- Organizes inspection
- Check report and make decision
- Sends summary report to PGS.CC
- Annual re-inspection of sample



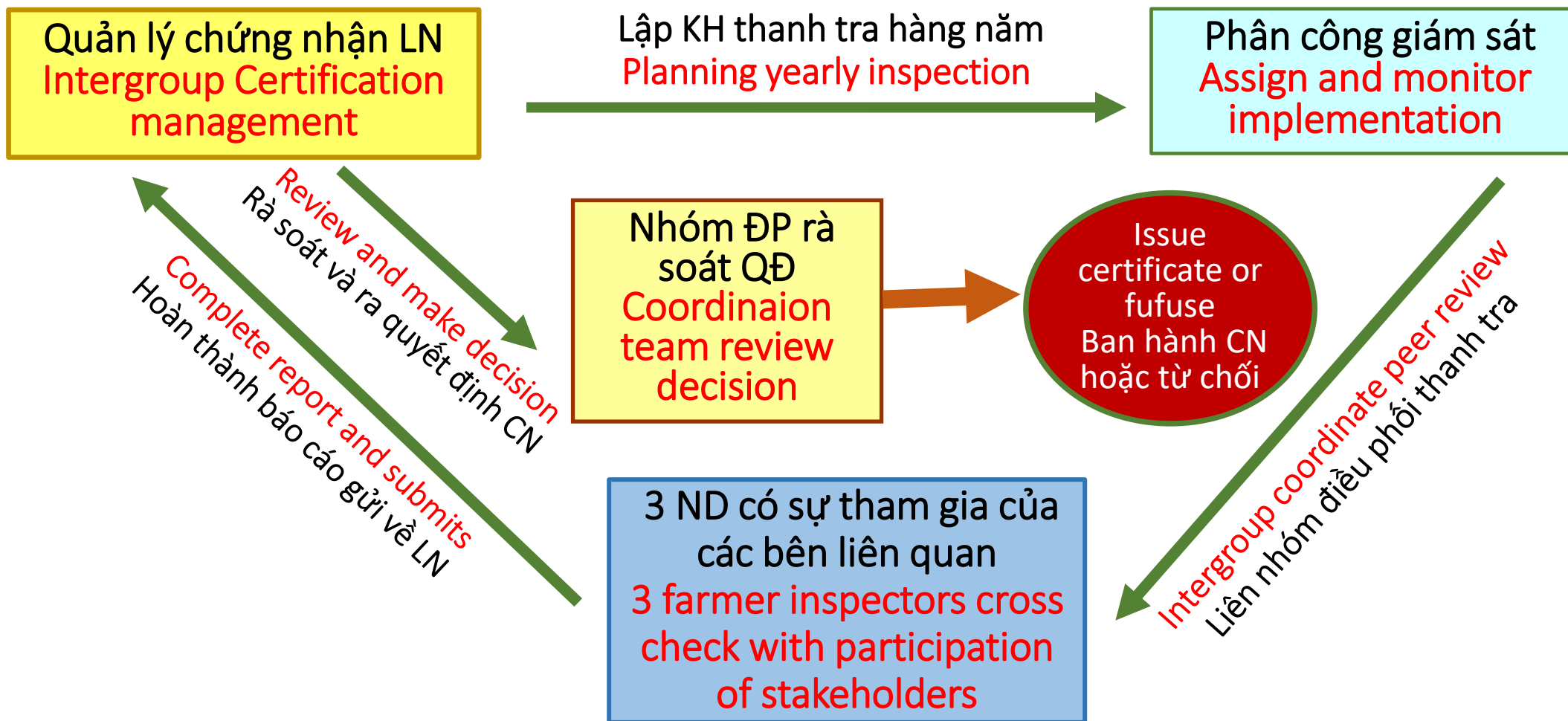
## Nhóm điều phối

- Issue ID farmers and groups after check
- Issue certificate of refuse
- Coordinate monitoring of network
- Maintains database of whole system
- Random yearly pesticide residue testing
- Follows up on any non-compliance issue



# QUY TRÌNH BAN HÀNH CHỨNG NHẬN

## Process of issue certification





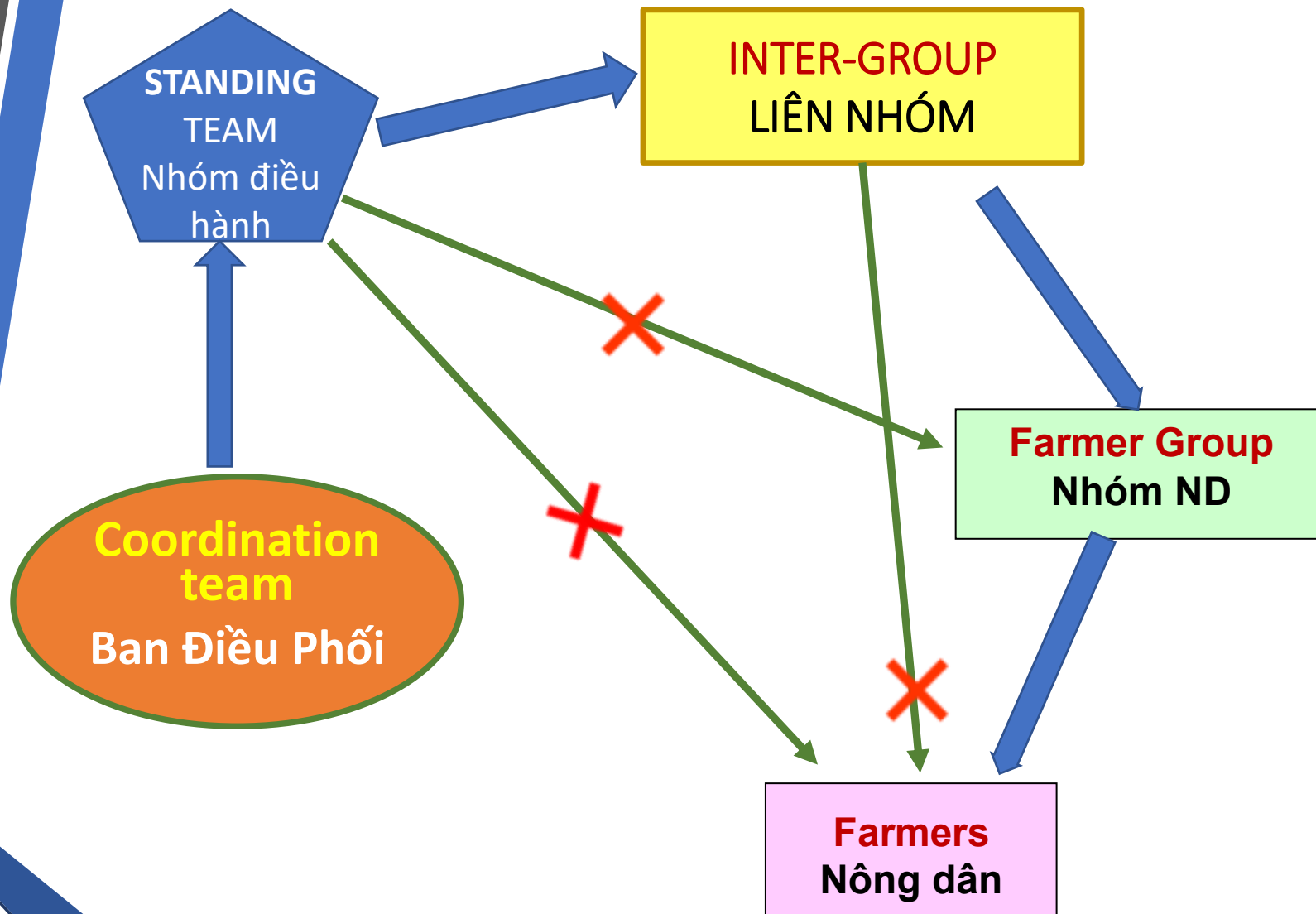
# KHÔNG TUÂN THỦ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

## *Non-compliance & handling violation*

Một bảng mức xử lý các lỗi vi phạm được áp dụng chung toàn hệ thống/ *A list of sanctions for handling violations applied to whole system*

- Nhắc nhở / *Reminding*
- Cảnh cáo / *Warning*
- Phạt tiền / *Monetary fine*
- Đình chỉ chứng nhận/ *Suspension*
- Truất tự cách thành viên (ra khỏi hệ thống)/ *Termination of participation (Out of PGS)*

# PHÂN QUYỀN Decentralization



# GIÁM SÁT - MONITOR

## Bên trong nhóm - Inside

Ba nông dân được đào tạo nghiệp vụ thanh tra thực hiện/ **3 farmers were trained to be inspectors act**

- Giám sát hàng ngày giữa các thành viên trong nhóm/ **Daily monitor among group members**
- Thực hiện thanh tra nhóm khác theo phân công của Liên nhóm/ **Carry out cross visits which assigned by inter-group**
- **Rule:** Một thành viên trong nhóm vi phạm, cả nhóm đều chịu chung hình thức kỷ luật / **One member of the group violates, whole group will be taken the same sanction**

## Bên ngoài nhóm - Outside

Đột xuất không báo trước/ **Randomly visits by**

- Nhân viên công ty thu mua/ **Staffs from contracted retailers**
- Liên nhóm/ **Inter-groups**
- Ban điều phối/ **Coordination committee**
- Cộng đồng/ **Community**

# NHẬN DIỆN SẢN PHẨM TRÊN THỊ TRƯỜNG

## Identify PGS products on the market



- ❖ Chỉ những sản phẩm được PGS đánh giá, cấp chứng nhận hữu cơ mới được ghi nhãn bán là sản phẩm hữu cơ/ Only products are certified by PGS can label as “organic”
- ❖ Sản phẩm hữu cơ PGS được nhận diện bằng tem chống hàng giả có mã QR/ PGS organic products are identified by authentic stamps with QR codes
- ❖ Sản phẩm dù bao bì có in logo PGS nhưng không có tem QR không được PGS bảo đảm và coi đó là hàng giả mạo/Products with PGS logo printed on the packaging but without QR stamps are not guaranteed by PGS and are considered counterfeit

# Different packaging but uniform stamps

## Khác bao gói nhưng đồng nhất tem



Products to aeon mall

Products to Vinmart



Products to outlets

# Các kênh phân phối - **Virous distribution Channels**



**Weekend markets**

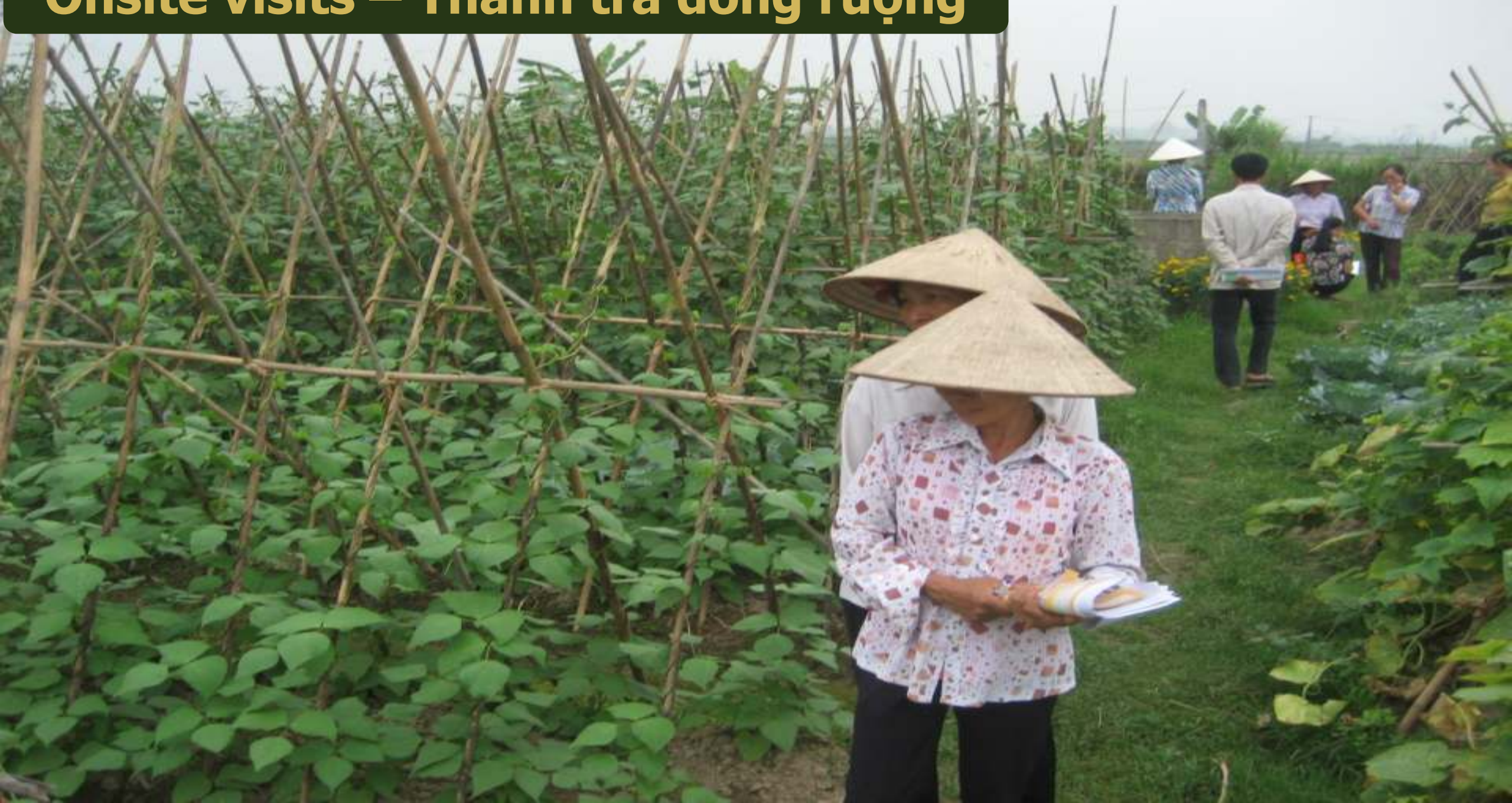


**Signpost to shop selling PGS vegetable**



**Home delivery**

## Onsite visits – Thanh tra đồng ruộng





# Kiểm tra sổ sách Check bookkeeping



**Sum up  
and  
complete  
checklist**



# Residue quick test



HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CÙNG THAM GIA  
Participatory Guarantee System



## PGS - ĐẢM BẢO THỰC SỰ HỮU CƠ

ĐẢM BẢO NHỮNG SẢN PHẨM ĐƯỢC ĐƯA TỚI BỮA ĂN CỦA KHÁCH HÀNG THỰC SỰ LÀ SẢN PHẨM HỮU CƠ  
HỆ THỐNG ĐUY NHẤT TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY CHỨNG NHẬN CÁC SẢN PHẨM HỮU CƠ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC  
ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN SỰ TIN CẬY VÀ CÙNG THAM GIA KIỂM SOÁT CỦA TẤT CẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết về nhóm sản xuất được chứng nhận và các điểm bán xin vui lòng xem tại website

[www.vietnamorganic.vn](http://www.vietnamorganic.vn)

Tu Tuyet Nhung, President PGS Vietnam-VOAA



# HỮU CƠ ORGANIC





**Xin cảm  
ơn!**